

Số: 51/2026/HNGĐ-ST

Ngày 12-5-2026

Vv Ly hôn, tranh chấp về nuôi  
con khi ly hôn

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 - HẢI PHÒNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Cường.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lương Đình Liên và ông Nhữ Văn Vinh.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Đặng Lâm Quốc Huy - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 12 - Hải Phòng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Bà Bùi Hoàng Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12 - Hải Phòng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 129/2026/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2026 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Chị **Vũ Thị H**, sinh ngày 21/10/1980; số căn cước công dân/số định danh cá nhân: 030180009638; địa chỉ cư trú: **Thôn A, xã C, thành phố Hải Phòng**.

*Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.*

**2. Bị đơn:** Anh **Đỗ Văn C**, sinh ngày 01/9/1975; số căn cước công dân/số định danh cá nhân: 030075009639; địa chỉ cư trú: **Thôn A, xã C, thành phố Hải Phòng**.

*Vắng mặt tại phiên tòa.*

**3. Người làm chứng:** Ông **Vũ Văn T**, sinh năm 1954; địa chỉ: **Thôn A, xã C, thành phố Hải Phòng**.

*Vắng mặt.*

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và các tài liệu có trong hồ sơ, nguyên đơn chị **Vũ Thị H** trình bày:

Chị và anh **Đỗ Văn C** tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện C, tỉnh Hải Dương (nay là xã C, thành phố Hải Phòng)

ngày 28/9/1997. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại **Thôn A, xã C, thành phố Hải Phòng**.

Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn. Theo chị **H**, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, anh **C** thường xuyên sử dụng rượu bia, có hành vi xúc phạm, chửi bới, đánh đập làm cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 5 năm 2025, không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Chị **H** xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn anh **Đỗ Văn C**.

Về con chung: Chị **H** xác định vợ chồng có 02 con chung là **Đỗ Thị Minh T1**, sinh ngày 21/6/2005 và **Đỗ Thị Minh N**, sinh ngày 08/7/2010. Cháu **Đỗ Thị Minh T1** đã thành niên nên chị **H** không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu **Đỗ Thị Minh N**, chị **H** đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi cháu đủ 18 tuổi; chị không yêu cầu anh **C** cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung và công sức đóng góp: Chị **H** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Bị đơn anh Đỗ Văn C được tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ, nhưng từ chối nhận văn bản tố tụng và vắng mặt, không đến Tòa án trình bày lời khai, không có văn bản tự khai gửi đến Tòa án về**

Cháu **Đỗ Thị Minh N** có lời khai thể hiện trong thời gian sống cùng bố, cháu không yên tâm, không an toàn, việc học tập và sinh hoạt ổn định hơn khi ở cùng mẹ. Cháu có nguyện vọng được tiếp tục sống cùng mẹ là chị **Vũ Thị H** sau khi Tòa án giải quyết ly hôn.

**Người làm chứng là ông Vũ Văn T (bố đẻ của chị Vũ Thị H) trình bày:** Chị **H** và anh **C** là vợ chồng, có đăng ký kết hôn; quá trình chung sống có mâu thuẫn, đã sống ly thân. Ông đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật và xin vắng mặt khi Tòa án làm việc, xét xử.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - Hải Phòng phát biểu ý kiến:**

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa:

Tòa án, thẩm phán đã tiến hành các thủ tục tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử về cơ bản đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng

Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 BLTTDS. Bị đơn không có mặt theo giấy triệu tập của tòa án để trình bày quan điểm giải quyết vụ án mặc dù được triệu tập hợp lệ, do vậy bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 BLTTDS.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX:

Áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân gia đình; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị

quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị **Vũ Thị H** ly hôn anh **Đỗ Văn C**.

- Về con chung: Giao cháu **Đỗ Thị Minh N**, sinh ngày 08/7/2010 cho chị **H** trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi thành niên. Anh **C** không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

- Về án phí: Chị **H** phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật: Chị **Vũ Thị H** khởi kiện yêu cầu ly hôn anh **Đỗ Văn C** và yêu cầu giải quyết việc nuôi con chung. Anh **C** cư trú tại **Thôn A, xã C, thành phố Hải Phòng**. Đây là quan hệ pháp luật “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 12 - Hải Phòng theo các điều 28, 35 và 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại lần thứ 2 phiên tòa. Việc xét xử vắng mặt đương sự là phù hợp với các điều 227, 228 và 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về điều kiện kết hôn và quan hệ hôn nhân: Chị **Vũ Thị H** và anh **Đỗ Văn C** đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân xã C, huyện C, tỉnh Hải Dương** ngày 28/9/1997, việc kết hôn do hai bên tự nguyện, nên là hôn nhân hợp pháp.

[4] Xét yêu cầu ly hôn: Lời trình bày của chị **H** phù hợp với lời khai của người làm chứng và các tài liệu có trong hồ sơ về việc vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, đã sống ly thân, không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Anh **C** vắng mặt suốt quá trình giải quyết vụ án, không tham gia hòa giải, không thể hiện ý chí đoàn tụ, không có biện pháp khắc phục mâu thuẫn hôn nhân. Hội đồng xét xử có căn cứ xác định tình trạng hôn nhân giữa chị **H** và anh **C** đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu của chị **Vũ Thị H**, cho chị **H** được ly hôn anh **Đỗ Văn C** là phù hợp Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về con chung: Chị **H** và anh **C** có 02 con chung là **Đỗ Thị Minh T1**, sinh ngày 21/6/2005 và **Đỗ Thị Minh N**, sinh ngày 08/7/2010. Cháu **Đỗ Thị Minh T1** đã thành niên, đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Đối với cháu **Đỗ Thị Minh N**, cháu đã trên 07 tuổi, có nguyện vọng được sống cùng mẹ; chị **H** có yêu cầu trực tiếp nuôi con. Căn cứ quyền lợi mọi mặt của con chưa thành niên, cần giao cháu **Đỗ Thị Minh N** cho chị **Vũ Thị H** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc đến khi có quyết định khác của Tòa án.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị **H** tự nguyện không yêu cầu anh **C** cấp dưỡng nuôi con; anh **C** cũng không có yêu cầu độc lập về vấn đề này. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận sự tự nguyện của chị **H**.

[8] Về tài sản chung, nợ chung và công sức đóng góp: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về án phí: Chị **Vũ Thị H** là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

**VÌ CÁC LỄ TRÊN,**

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 51, 56, 57, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

**1. Về quan hệ hôn nhân:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Vũ Thị H**. Cho chị **Vũ Thị H** được ly hôn anh **Đỗ Văn C**.

**2. Về con chung:** Giao cháu **Đỗ Thị Minh N**, sinh ngày 08/7/2010, cho chị **Vũ Thị H** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có quyết định khác của Tòa án.

Ghi nhận chị **Vũ Thị H** tự nguyện không yêu cầu anh **Đỗ Văn C** cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

**3. Về tài sản chung, nợ chung và công sức đóng góp:** Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

**4. Về án phí:** Chị **Vũ Thị H** phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002738 ngày 13/3/2026 của Chi cục Thi hành án dân sự khu vực 12 - Hải Phòng. Chị **Vũ Thị H** đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

**5. Về quyền kháng cáo:** Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định pháp luật.

**Nơi nhận:**

- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND khu vực 12 - Hải Phòng;
- Chi cục THADS khu vực 12 - Hải Phòng;
- Các đương sự;
- UBND xã Cẩm Giang (để ghi sổ hộ tịch);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA  
PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Cường**